

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THNỐT
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST

Ngày: 17.4.2018

V/v : "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

N\ ZC CONG HOA XA\HOI CHUaNGHYA VIET NAM

TOA AN NHAN DAN QUAN THOg NOg - TP CAN THZ

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Chung Khánh Nghị**

2.. Bà **Lê Cẩm Huỳnh**

- Thl ky phieh toa: Ông **Đinh Tuấn Anh** - Thl ky Toa an nhah dah
quaj ThogNog- Tp. Caf Thz.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận THNốt - Tp. Cần Thơ tham gia
phiên tòa: Bà **Trần Thị Kiều Oanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Quận THNốt -
thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh
thương mại thụ lý số: 44/2017/TLST-KDTM, ngày 23 tháng 11 năm 2017 về
việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
21/2018/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**

Trụ sở:phường A, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Thảo L** – sinh năm: 1981
(có mặt)

Địa chỉ: đường C, phường D, thành phố E, tỉnh An Giang.

Bị đơn: 1. Ông **Nguyễn Văn C** – sinh năm: 1965 (vắng mặt lần 2)

2. Bà **Nguyễn Thị H**– sinh năm: 1970 (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn B** – sinh năm: 1937 (vắng mặt lần 2)

2. Bà **Nguyễn Thị Đ** – sinh năm: 1966 (vắng mặt lần 2)

3. Ông **Nguyễn Văn S** – sinh năm: 1972 (vắng mặt lần 2)

4. Ông **Nguyễn Văn N** – sinh năm: 1977 (vắng mặt lần 2)

5. Bà **Nguyễn Thị V** – sinh năm: 1987 (vắng mặt lần 2)

6. Anh **Nguyễn Văn C1** – sinh năm: 1990 (vắng mặt lần 2)

Cùng địa chỉ: Khu vực F, phường G, quận H, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thảo L trình bày như sau:

Vào ngày 26.5.2015, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H có ký kết hợp đồng tín dụng số 0122.HĐTD1.621.15 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 0122.01.PLHĐTD.621.15 ngày 26.11.2015, nội dung: ông C và bà H vay vốn tại Ngân hàng TMCP A – chi nhánh An Giang với số tiền vay là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), mục đích vay để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn kinh doanh tạp hóa, bia, nước giải khát, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 8,49%/năm trong 06 tháng, điều chỉnh 03 tháng/lần.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay, ông C và bà H có ký “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 0276.HĐTC1.621.14/VIB, lập ngày 13.11.2014; phụ lục hợp đồng thế chấp số 0276.01.PLHĐTC1.621.15/VIB ngày 27.5.2015; phụ lục hợp đồng thế chấp số 0276.02.PLHĐTC1.621.15 ngày 27.11.2015, nội dung ông C, bà H thế chấp các tài sản bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa 52, tờ bản đồ số 03, diện tích 300m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại khu vực F, phường G, quận H, thành phố Cần Thơ do bà Nguyễn Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02452, cấp ngày 22.11.2013.

+ Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa 53, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.388m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khu vực F, phường G, quận H, thành phố Cần Thơ do bà Nguyễn Thị H đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02453, cấp ngày 22.11.2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông C và bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần trực tiếp làm việc, nhắc nhở. Do đó ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc của ông C, bà H sang nợ quá hạn từ ngày 28.5.2016.

Tính đến ngày 31.11.2017, ông C, bà H còn nợ ngân hàng VIB số tiền chưa thanh toán: nợ gốc là 400.000.000 đồng và nợ lãi là 64.801.594 đồng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà H phải có trách nhiệm L đới thanh toán số tiền vay gốc và lãi như trên tổng cộng là 464.801.594 đồng. Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi suất phát sinh cho đến khi

thanh toán xong số nợ. Trường hợp ông C, bà H không thanh toán được nợ, ngân hàng yêu cầu phát mãi các tài sản đảm bảo thế chấp để thu hồi nợ.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H, tại biên bản ghi lời khai ngày 02.01.2018, bà H trình bày như sau:

Do vợ chồng bà đi làm ở phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương nên không thể về tham gia các phiên hòa giải. Bà thống nhất vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP A – chi nhánh An Giang với số tiền vay là 400.000.000 đồng và có thế chấp thửa đất số 52, 53 cùng các tài sản trên đất để đảm bảo nợ vay như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Bà H thừa nhận tính đến ngày 31.11.2017, ông C, bà H còn nợ ngân hàng VIB số tiền chưa thanh toán: nợ gốc là 400.000.000 đồng và nợ lãi là 64.801.594 đồng. Do quá trình làm ăn bị thua lỗ và cha đang bệnh nặng nên chưa có khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng.

Nay bà H và ông C đồng ý có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh như Ngân hàng yêu cầu tổng cộng là 464.801.542 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình hiện khó khăn, làm ăn thua lỗ nên yêu cầu Ngân hàng xem xét giảm lãi và được trả dần số nợ trên. Trường hợp không có khả năng thanh toán nợ vay của Ngân hàng VIB thì bà H đồng ý cho phát mãi các tài sản đảm bảo thế chấp để thanh toán nợ.

Quá trình Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất 52 và 53, trên đất có 04 căn nhà gồm:

+ 01 căn nhà của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H: Kết cấu nhà chính khung cột gỗ, mái tole, vách tole, nền gạch men + gạch tàu, không trần, diện tích 81,4m². Kết cấu nhà phụ khung cột gỗ tạp, mái tole, vách tole, mạt cáo tre, nền xi măng, không trần, diện tích 32,43m².

+ 01 căn nhà của ông Nguyễn Văn N: kết cấu khung cột gỗ, mái tole, vách ván, nền gạch tàu, không trần, diện tích 74,48m².

+ 01 căn nhà của ông Nguyễn Văn S: kết cấu khung cột gỗ tạp, mái tole, vách tole, nền đất, không trần, diện tích 63m².

+ 01 căn nhà của bà Nguyễn Thị Đ: kết cấu khung cột gỗ tạp, mái tole, vách tole, nền gạch tàu, không trần, diện tích 45,6m².

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N thống nhất trình bày như sau:

Ông S và ông N có biết việc bà H thế chấp thửa đất 52, 53 cùng các tài sản trên đất trong đó có nhà và đất ông S, ông N đang sử dụng để vay tiền tại Ngân hàng VIB nhưng không rõ số nợ vay là bao nhiêu. Nay ý kiến ông S và ông N đồng ý cho Ngân hàng phát mãi thửa đất 52 và 53 cùng các tài sản gắn liền trên

đất để thu hồi nợ trong trường hợp ông C, bà H không có khả năng thanh toán nợ.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn lại là Nguyễn Văn B (cha bà H), Nguyễn Thị Đ (chị bà H), Nguyễn Thị V (vợ ông N), Nguyễn Văn C1 (con bà Đ) do đã đi khỏi địa phương nên Tòa án không thu thập được lời khai.

Do bị đơn ông Nguyễn Văn C và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt khỏi địa phương, không về để tham dự hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, do đó vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện nguyên đơn bà L yêu cầu ông C, bà H phải thanh toán số nợ gốc 400.000.000 đồng và bổ sung yêu cầu tính lãi đến ngày 17.4.2017, lãi trong hạn và quá hạn tổng cộng là 83.949.833 đồng, vậy tổng số tiền gốc và lãi là 483.949.833 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết số nợ. Trường hợp ông C, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cho kê biên, bán đấu giá các tài sản đảm bảo thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H thừa nhận vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng TMCP Asó tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và nợ lãi là 83.949.833 đồng. Nay vợ chồng bà H, ông C đồng ý có trách nhiệm thanh toán số nợ trên như Ngân hàng yêu cầu nhưng xin được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng do hoàn C1 hiện đang khó khăn. Trường hợp không thanh toán được nợ, bà đồng ý cho phát mãi các tài sản đảm bảo thế chấp tại thửa đất 52, 53 và các tài sản gắn liền trên đất.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về số nợ vay: Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm L đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Asó tiền nợ gốc và lãi là 483.949.833 đồng. Đồng thời phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Trường hợp ông C, bà H không thanh toán được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi các tài sản đảm bảo thế chấp gồm quyền sử dụng đất tại thửa 52 và 53, tờ bản đồ số 03 và các tài sản gắn liền trên đất để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, mục đích vay là để kinh doanh, theo quy định tại Điều 30, 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Đối với việc bị đơn ông Nguyễn Văn C cùng những người liên quan Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn C1 đã bỏ đi khỏi địa phương, theo hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05.5.2017, trường hợp này nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn và những người liên quan, khi thay đổi nơi cư trú họ không có thông báo cho Ngân hàng và chính quyền địa phương biết về nơi cư trú mới cho nên Tòa án vẫn tiếp tục giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Xét việc bị đơn và những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, không có lý do; đối với ông Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt do đó căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và bị đơn bà Nguyễn Thị Hcũng thừa nhận: Vào ngày 26.5.2015, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Hcó ký hợp đồng tín dụng số 0122.HĐTD1.621.15 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 0122.01.PLHĐTD.621.15 ngày 26.11.2015 để vay vốn tại Ngân hàng TMCP A– chi nhánh An Giang với số tiền 400.000.000đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), mục đích vay để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn kinh doanh tạp hóa, bia, nước giải khát, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 8,49%/năm trong 06 tháng, điều chỉnh 03 tháng/lần.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do ông C và bà Hvi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận tính đến ngày xét xử 17.4.2018, ông C, bà H còn nợ ngân hàng VIB số tiền chưa thanh toán: nợ gốc là 400.000.000đồng và nợ lãi là 83.949.833đồng (có bảng kê tính lãi chi tiết). Cho nên xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp và có cơ sở chấp nhận.

Xét việc Ngân hàng VIB yêu cầu phát mãi các tài sản đảm bảo thế chấp để thu hồi nợ:

Để đảm bảo cho hợp đồng vay, ông C và bà H có ký “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 0276.HĐTC1.621.14/VIB, lập ngày 13.11.2014 và các phụ lục hợp đồng đồng ý thế chấp các tài sản bao gồm quyền sử dụng đất và các

tài sản gắn liền trên đất tại thửa 52, diện tích 300m², loại đất ở tại đô thị và thửa 53, diện tích 1.388m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại khu vực F, phường G, quận H, thành phố Cần Thơ do cá nhân bà Nguyễn Thị Hững tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì trên đất thế chấp tại thửa 52, 53 có 04 căn nhà và một số cây trồng, trong đó có 01 căn nhà thuộc sở hữu của ông C, bà H và 03 ngôi nhà của ông S, ông N, bà Đ. Theo bà H trình bày, nguồn gốc đất tại thửa 52, 53 là do cha mẹ để lại cho bà đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi bà thế chấp đất và tài sản trên đất để vay tiền thì các anh chị em ở trên đất đều biết, không có ai phản đối hoặc tranh chấp, khiếu nại liên quan. Đối với căn nhà của ông S và ông N, tại biên bản lấy lời khai ngày 22.12.2017 (bút lục số 62) ông S và ông N thừa nhận có biết việc bà H thế chấp đất để vay tiền tại Ngân hàng và cũng đồng ý cho Ngân hàng phát mãi đất và tài sản gắn liền trên đất để thu hồi nợ trong trường hợp bà H, ông C không thanh toán được nợ, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nghĩ nên ghi nhận. Đối với ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn C1 do đã đi khỏi địa phương nên Tòa án không thu thập được lời khai.

Căn cứ án lệ số 11/2017/AL do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành theo Quyết định số 299/QĐ-CA ngày 28.12.2017 về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà trên đất có tài sản không thuộc sở hữu của bên thế chấp, xét về hình thức và nội dung hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định pháp luật do đó “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 0276.HĐTC1.621.14/VIB, lập ngày 13.11.2014 và các phụ lục hợp đồng nói trên có hiệu lực pháp luật. Trường hợp khi xử lý tài sản thế chấp thì các chủ sở hữu nhà trên đất được dành quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó nếu có nhu cầu.

Về chi phí thẩm định: Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ với tổng chi phí hết 3.000.000đồng, phía nguyên đơn đã tạm nộp trước. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ theo Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí, cho nên ông C, bà H phải có trách nhiệm nộp lại số tiền 3.000.000đồng để giao trả cho nguyên đơn.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông C, bà H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 30; 35; 91; 147; 227; 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 91; 94 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ;
- Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05.5.2017;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016.
- Án lệ số 11/2017/AL;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Hphải có trách nhiệm L đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Asố tiền vay: nợ gốc là 400.000.000đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) và nợ lãi tạm tính đến ngày 17.4.2018 là 83.949.833đồng (*Tám mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi chín ngàn, tám trăm ba mươi ba đồng*). Tổng cộng nợ gốc và lãi phải thanh toán là 483.949.833đồng (*Bốn trăm tám mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi chín ngàn, tám trăm ba mươi ba đồng*).

Kể từ ngày 18.4.2018, ông C và bà Hphải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán hết số nợ trên (lãi suất được tính theo hợp đồng tín dụng số 0122.HĐTD1.621.15 ngày 26.5.2015).

Trường hợp ông C và bà Hkhông thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán đấu giá các tài sản đảm bảo thế chấp căn cứ theo “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 0276.HĐTC1.621.14/VIB, lập ngày 13.11.2014 và các phụ lục hợp đồng để thu hồi nợ cho Ngân hàng VIB, bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa 52, tờ bản đồ số 03, diện tích 300m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại khu vực F, phường G, quận H, thành phố Cần Thơ do bà Nguyễn Thị Hđúng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02452, cấp ngày 22.11.2013.

+ Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa 53, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.388m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khu vực F, phường G, quận H, thành phố Cần Thơ do bà Nguyễn Thị Hđúng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02453, cấp ngày 22.11.2013.

Về chi phí thẩm định: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Hphải nộp số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) để giao trả lại cho nguyên đơn.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Hphải L đới nộp số tiền là 23.358.000đồng (*Hai mươi ba triệu, ba trăm năm mươi tám ngàn đồng*).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 10.498.500đồng (*Mười triệu, bốn trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/003561, ngày 17.11.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận THNốt.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. THNốt;
- Chi cục THA Q. THNốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

NGUYỄN TRUNG HIẾU